

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HS-PT
Ngày: 16-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Phong
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nhân
Bà Lê Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Vang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 16 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 13/2021/TLPT-HS ngày 09/02/2021 đối với bị cáo Đinh Văn T1. Do có kháng cáo của bị cáo Đinh Văn T1 và bị hại anh Huỳnh Tấn T2 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2021/HS-ST ngày 04/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Đinh Văn T**, sinh năm 1993, tại Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ1, huyện B, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Văn T1, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; có vợ tên Hoàng Thị Kim L và 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/8/2019 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Đinh Văn T: Luật sư Lê Văn N – Văn phòng Luật sư X, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước (có mặt)

Địa chỉ: Văn phòng Luật sư X, QL 14, khu L, thị trấn Đ2, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bị hại: Anh Huỳnh Tấn T, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ3, xã Đ1, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Luật sư Hồ Phương B – Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước (có mặt).

Địa chỉ: QL 14, phường B, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 37 phút ngày 27 tháng 6 năm 2019, anh Huỳnh Tấn T2 đi uống rượu về nhà tại thôn Đ4, xã Đ1, huyện B, tỉnh Bình Phước. Do có hơi men và do trước đây gia đình anh T2 và gia đình Đinh Văn T1 ở đối diện nhà anh T2 có mâu thuẫn nên anh T2 cầm 02 cục võa (bê tông) ném vào vách tôn nhà của T1 gây tiếng động mạnh làm cháu Đinh Ngọc Thiên A, sinh năm 2018 là con của T1 giật mình khóc nên T1 mở cửa nhà ra xem thì thấy anh T2, anh T2 nói: “mày còn dám mở cửa ra hả”, thì T1 trả lời “mày say rồi về đi mai nói chuyện”, tức thì anh T2 lao đến dùng tay phải đâm trúng vào vùng mặt bên trái của T1, hai bên ôm nhau giằng co làm T1 bị té (ngã), tay phải T1 nhặt (lấy) 01 cây kéo đầu nhọn, loại 02 lưỡi, dài 22,5 cm (lưỡi bằng kim loại màu đen dài 14 cm cán bằng kim loại bọc nhựa màu đen dài 8,5 cm, trên cán có chữ “Kéo thép Quỳnh”) ở bên trong nhà sát cửa kéo và T1 đứng dậy đâm nhiều nhát vào ngực, bụng và tay của anh T2, anh T2 bỏ chạy. T1 đuổi theo cầm kéo đâm vào lưng anh T2, anh T2 bị ngã nên T1 không đâm nữa mà cầm kéo đi vào nhà đưa kéo cho vợ là chị Hoàng Thị Kim L. Sau đó T1 lên Công an xã Đ1 trình báo, khai nhận hành vi dùng kéo đâm anh T2, còn anh T2 được gia đình đưa đi cấp cứu, điều trị tại bệnh viện.

Tại Bản giám định pháp y về thương tích số 262/2019/TgT ngày 11/8/2019 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Bình Phước kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương thấu ngực + bụng phải đập thùy dưới phổi phải + tràn khí màng phổi bên phải, thủng hoành phải + rách gan hạ phân thùy 3 điều trị nội hiện không di chứng (sẹo bờ dưới xương đòn phải + cạnh ức phải kích thước 1,5 x 0,1 cm gọn. Sẹo song song hạ sườn phải kích thước 5,5 x 0,3 cm mềm).

- Vết thương thấu ngực trái tràn máu, tràn khí màng phổi trái xẹp thùy dưới phổi trái điều trị nội khoa, di chứng dày dính màng phổi trái.

- Sẹo ngang rốn bên trái kích thước 01 x 0,2 cm gọn, mềm.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 37%.

Sau khi anh Huỳnh Tấn T2 được Cơ quan điều tra thông báo về kết quả giám định, anh không đồng ý và đề nghị giám định lại nên Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định lại.

Tại Bản giám định pháp y về thương tích số: 199/19/TgT ngày 20/12/2019 của Viện pháp y quốc gia Phân viện tại TP. Hồ Chí Minh đã kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sáu sẹo vùng ngực phải, cánh tay phải, lưng trái và vùng bụng trái.

- Tổn thương gan trái đã điều trị nội khoa bảo tồn kết quả tốt.

- Tổn thương giập nhu mô phổi trái, đã điều trị hiện gây xơ hóa mô kẽ và xẹp đáy phổi trái.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại thời điểm giám định của nạn nhân Huỳnh Tấn T2 là: 37%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2021/HS-ST ngày 04/01/2021, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Đinh Văn T1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Các Điều 38, 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Đinh Văn T103 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/8/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/01/2021, bị hại anh Huỳnh Tấn T2 có đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Ngày 15/01/2021, bị cáo Đinh Văn T1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Đinh Văn T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại anh Huỳnh Tấn T2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm tuyên hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại do quá trình điều tra ở cấp sơ thẩm đã bỏ lọt tội phạm; chưa giám định hết vết thương trên người bị hại; không giám định cơ chế hình thành vết thương để xác định ai là người gây ra thương tích cho bị hại và gây thương tích bằng hung khí gì; đồng thời đề nghị xem xét lại mức hình phạt đối với bị cáo và mức bồi thường thiệt hại.

- Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo:

Về phần trách nhiệm dân sự: Do Tòa án cấp sơ thẩm có nhầm lẫn trong việc tính toán nên không có ý kiến gì.

Về việc bị hại cho rằng bị cáo T1 dùng hung khí là con dao để đâm bị hại là không có cơ sở. Nhân chứng của bị hại khai có nhìn thấy con dao dính máu nhưng từ khi Cơ quan điều tra vào khám nghiệm hiện trường, khi đó hiện trường chưa bị tác động, xáo trộn gì nhưng không có việc thu giữ con dao nên việc cho rằng có thấy con dao dính máu là vô lý. Công an xã phải là người giữ hiện trường đầu tiên, lập biên bản ban đầu để ghi nhận vụ việc và thu giữ các vật chứng là đúng, sau đó Công an huyện mới đến làm việc, việc làm này là đúng quy trình. Lời khai của vợ bị cáo, vợ bị hại và lời khai của bị cáo phù hợp với hiện trường vụ án. Bị hại cũng chỉ nghi ngờ là có con dao, không có chứng cứ gì để chứng minh nên lời khai của bị hại không phù hợp với chứng cứ của vụ án. Mục đích của bị hại là để yêu cầu xem xét đối với vợ của bị cáo, tuy nhiên, cả bị cáo, bị hại đều xác định sự việc diễn ra rất nhanh, vợ bị cáo đỡ con nhỏ đang khóc trong nhà thì không thể chạy ra đâm bị hại nên việc bị hại cho rằng vợ bị cáo cũng dùng kéo đâm bị hại là không có căn cứ.

Bị cáo T1 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là “phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật nạn nhân gây ra” vì trong vụ án có lỗi của bị hại, lỗi rất nghiêm trọng, bị hại đến nhà bị cáo vào đêm khuya, chửi bới rồi đánh bị cáo, bị hại cũng đã uống rượu, đến nhà bị cáo với mục đích để trả thù vì trước đó đã có mâu thuẫn. Bị cáo dùng hung khí là sai nhưng nguyên nhân là do bị hại lợi dụng việc say rượu để trả thù bị cáo, làm cho tinh thần của bị cáo bị hoảng loạn, suy sụp nghiêm trọng nên mới xảy ra sự việc. Ngoài ra, sau khi xảy ra vụ việc, bị cáo đã đi đầu thú nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết đầu thú tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo là con em lao động, gia

đình có hoàn cảnh khó khăn, gia đình bị cáo có công với cách mạng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm các tình tiết nêu trên để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- *Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:*

Bị hại cho rằng ngoài bị cáo T1 phạm tội thì còn có vợ bị cáo, Hội đồng xét xử cũng đã tạm ngừng phiên tòa để thu thập chứng cứ, xác minh làm rõ nội dung này nhưng không có cơ sở. Bị cáo đã có sự thay đổi lời khai rất đột ngột về việc cầm hung khí để gây án sau khi nghe lời giải thích của Giám định viên tại phiên tòa sơ thẩm để nhằm mục đích phù hợp với lời giải thích của Giám định viên. Nếu lời tình bày của bị cáo trong quá trình điều tra là đúng thì rõ ràng vết thương tạo thành trên người bị hại có chiều rộng 6cm không thể nào do lưỡi kéo gây ra mà là do lưỡi dao gây ra.

Những vết thương được khám nghiệm trên người bị hại, vết thương nào cũng nghiêm trọng và có thể dẫn đến mất mạng, bị cáo đã thực hiện hành vi rất quyết liệt, khi bị hại ngã xuống thì lại tiếp tục đâm bị hại, việc bị hại không chết là do may mắn nên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xét xử bị cáo 3 năm 6 tháng tù là có phần nhẹ, không có tính răn đe, không tương xứng với hành vi. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tăng trách nhiệm hình sự của bị cáo từ 4 năm đến 4 năm 6 tháng tù là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự, bản án sơ thẩm xem xét chưa đúng. Cụ thể: Về số người chăm sóc: với những bệnh tật thông thường thì 1 người đi chăm là phù hợp, nhưng đối với bị hại là trường hợp bị phạm tội và phải cấp cứu nên cần 02 người chăm sóc là hợp lý, vừa đảm bảo sức khỏe, tính mạng cho bị hại và vừa đảm bảo tính pháp lý trong bệnh viện. Về phần thu nhập của bị hại bị mất: chỉ chấp nhận 14 ngày là không phù hợp, với vết thương của bị hại là 37% thì sau 14 ngày không thể mở lại quán để làm việc bình thường được. Cấp sơ thẩm chỉ tính 14 ngày là quá ít, không phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại vấn đề này. Về tổn thất tinh thần: Tòa án sơ thẩm chỉ chấp nhận 20 tháng lương cơ sở trong khi bị hại là lao động chính trong gia đình, vợ con của bị hại cũng bị ảnh hưởng về tinh thần nên cần xem xét mức 30 tháng lương là phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tăng mức bồi thường trách nhiệm dân sự cho bị hại.

- *Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, 356; điểm b khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Tuyên không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đinh Văn T1, không chấp nhận kháng cáo của bị hại Huỳnh Tấn T2 đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Đinh Văn T1; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Huỳnh Tấn T2 về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, sửa một phần bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Đinh Văn T1 và bị hại anh Huỳnh Tấn T2 được thực hiện trong thời hạn luật định, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên đủ điều kiện

để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xem xét, giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị hại anh Huỳnh Tấn T đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Thương xác định chỉ một mình bị cáo dùng hung khí là cây kéo gây thương tích cho bị hại. Theo lời trình bày của bị cáo, bị hại và người làm chứng chị Hoàng Thị Kim L, chị Trần Thị N thì sự việc gây thương tích cho bị hại xảy ra rất nhanh, chỉ khoảng từ 05 đến 07 giây trong điều kiện ánh sáng không rõ, chỉ có ánh đèn của nhà anh Điều Nhất qua. Chị L cũng xác định, khi xảy ra sự việc chị L ở trong nhà để dỗ con nhỏ (10 tháng tuổi) đang khóc nên không bước ra ngoài cho tới khi bị cáo cầm cây kéo vào đưa cho chị L. Trong bản tự khai và các biên bản ghi lời khai của chị N (Bút lục số 100 đến số 105) thì chị N đều xác định chị N đứng cách nơi xảy ra sự việc 30m, chị N chỉ nhìn thấy một mình bị cáo T1 gây thương tích cho bị hại T2, thời điểm đó, ngoài T1 và bị hại T2 thì không thấy có ai khác. Đồng thời, khi đi về nhà bị hại T2 còn nói với chị N “thằng T1 đâm anh rồi”, tại phiên tòa sơ thẩm anh T2 cũng thừa nhận có nói câu này với chị N. Quá trình điều tra, tại đơn đề nghị khởi tố vụ án ngày 26/7/2019, các lời khai ban đầu và biên bản đối chất ngày 07/02/2020 (Bút lục 155) bị hại T2 đều xác định chỉ có bị cáo T1 đâm bị hại, ngoài ra không ai đâm bị hại nữa nhưng bị hại không xác định hung khí T1 dùng để gây thương tích cho mình là gì. Tuy nhiên, trong quá trình xét xử sơ thẩm và phúc thẩm, bị hại anh T2 đã bác bỏ toàn bộ lời khai của mình tại Cơ quan điều tra và cho rằng tại thời điểm đó do bị đâm gây thương tích nên bị hại còn hoang mang, không nhớ nội dung sự việc. Xét thấy, bị hại bị gây thương tích ngày 27/6/2019, từ thời điểm bị hại được xuất viện là ngày 11/7/2019 đến thời điểm Cơ quan điều tra bắt đầu làm việc với bị hại (ngày 29/7/2019) là 18 ngày và đến thời điểm Kiểm sát viên tiến hành đối chất (ngày 07/02/2020) là khoảng 06 tháng nên việc bị hại cho rằng thời điểm làm việc tại Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát do bị hại đang còn hoang mang nên khai không đúng là không có cơ sở. Hơn nữa, bị hại cho rằng chị Hoàng Thị Kim L cũng là người gây thương tích cho bị hại nhưng bị hại không chứng minh được chị L gây thương tích cho bị hại như thế nào? Gây thương tích ở đâu trên cơ thể bị hại? Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 22/3/2021, bị hại Huỳnh Tấn T2 đã đề nghị Hội đồng xét xử thu thập, trích xuất dữ liệu điện tử từ Camera tại cửa hàng thuốc tây Huyền T đối diện nhà của bị cáo T1 bởi theo bị hại toàn bộ diễn biến sự việc xảy ra vào tối ngày 27/6/2019 đã được camera này ghi lại nhưng quá trình điều tra ở cấp sơ thẩm không xác minh, thu thập. Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để xác minh theo yêu cầu của bị hại nhằm làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án, đảm bảo việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, theo kết quả làm việc ngày 24/3/2021 do chị Trần Thị Huyền T là chủ cửa hàng thuốc tây Huyền T cung cấp thì camera có tại thời điểm xảy ra vụ án là loại camera chỉ xem hình ảnh trực tiếp trong ngày, không lắp thẻ nhớ để lưu trữ dữ liệu nên không lưu giữ được hình ảnh, dữ liệu và camera này đã bị hư hỏng từ cuối năm 2020. Đồng thời, chị T cũng cho biết tại thời điểm xảy ra vụ án, Cơ quan điều tra cũng đã tiến hành trích xuất camera này để thu thập hình ảnh, dữ liệu phục vụ cho công tác điều tra nhưng không thu thập được gì do thời

điểm xảy ra vụ án trời tối, không có đèn nên camera không ghi lại được hình ảnh, dữ liệu gì. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, việc bị hại anh T2 kháng cáo cho rằng trong quá trình điều tra ở cấp sơ thẩm đã bỏ lọt tội phạm, ngoài bị cáo T1 còn có chị Hoàng Thị Kim L là người gây thương tích cho bị hại là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.2] Theo Giấy chứng nhận thương tích số 381 ngày 20/11/2019 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước thì anh Huỳnh Tấn T2 có 01 vết thương vùng dưới vú (P) kích thước khoảng 1x6cm. Theo Giấy chứng nhận thương tích số 909 ngày 10/7/2019 của Bệnh viện Chợ Rẫy xác định tình trạng thương tích của anh T2 có 02 vết thương vùng ngực phải: 01 vết thương ngang liên sườn 5 đường trung đòn khoảng 5cm, sắc gọn (đã khâu); 01 vết thương dưới xương đòn phải khoảng 03 cm, sắc gọn (đã khâu); 02 vết thương vùng lưng trái vùng xương sườn 10-11, sắc gọn (đã khâu). Nhưng tại Kết luận giám định pháp y qua hồ sơ số 343/2019/HS ngày 11/12/2019 của Trung tâm pháp y- Sở y tế tỉnh Bình Phước đã mô tả vật chứng là cây kéo như sau: *“Lưỡi kéo: được chốt vào nhau bằng chốt kim loại, khi xếp chồng lên nhau, 02 lưỡi sắc, một nhon dài 14cm lưỡi còn lại bị gãy đầu nhon dài 13cm, chỗ rộng nhất 2,4cm, sống lưỡi dày 0,3cm”* và kết luận: *“Các vết thương vùng ngực phải, cạnh ức phải, lưng trái, ngang rốn bên trái của Huỳnh Tấn T2 khi tác động bằng mũi của cây kéo (vật chứng giám định) có thể tạo ra được những vết thương này.*

Do bị hại anh T2 cho rằng vết thương trên cơ thể bị hại ngoài cây kéo là vật chứng của vụ án thì còn do con dao gây ra vì bị cáo đã dùng dao đâm bị hại nên đề nghị giám định lại cơ chế hình thành vết thương. Để làm rõ nội dung này, Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã triệu tập Giám định viên của Trung tâm pháp y- Sở Y tế tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa để xác định lại kết quả giám định. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, Giám định viên đều xác định theo Kết luận giám định pháp y qua hồ sơ số 343/2019/HS ngày 11/12/2019 của Trung tâm pháp y- Sở Y tế tỉnh Bình Phước thì cái kéo có thể hình thành các vết thương nêu trên trong trường hợp lưỡi kéo đâm về phía bị hại khi có sự dịch chuyển, giằng co nhau. Điều này cũng phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa là bị cáo chỉ dùng một lưỡi kéo đâm về phía bị hại và khi bị cáo đâm bị hại thì giữa bị cáo và bị hại đã có sự giằng co nhau. Do đó, có cơ sở xác định cái kéo là vật chứng của vụ án có khả năng gây ra các vết thương cho bị hại Huỳnh Tấn T2.

Mặt khác, bị hại anh T2 cho rằng khi khám nghiệm hiện trường có thu giữ con dao nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Anh Huỳnh Long T, anh Huỳnh Long H, ông Trần Văn T khai sau khi xảy ra sự việc thì anh T, anh H, ông T có mặt khi Công an xã Đ1 đến hiện trường để lập biên bản ghi nhận vụ việc, anh T, anh H và ông T đều thấy ngoài thu giữ 01 cây kéo thì còn thu giữ 01 con dao có dính máu. Tuy nhiên, tại Biên bản vụ việc lúc 01 giờ 00 phút ngày 28/6/2019 và Biên bản khám nghiệm hiện trường lúc 09 giờ 30 phút ngày 28/6/2019 không thể hiện việc thu giữ con dao, anh Huỳnh Long T cũng ký tên vào biên bản với tư cách là người chứng kiến, ông T chỉ đứng ngoài xem, không được vào hiện trường, anh Huỳnh Long H cũng xác định tại phiên tòa sơ thẩm khi Công an lập biên bản khám nghiệm hiện trường anh H không chứng kiến.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo là người chứng kiến việc khám nghiệm hiện trường và những người trực tiếp tham gia khám nghiệm hiện trường là ông Phạm Đình L, ông Nguyễn Mạnh T đều khẳng định khi xem xét và khám nghiệm hiện trường chỉ thu giữ 01 cây kéo là vật chứng của vụ án, ngoài ra không thu giữ con dao nào, việc khám nghiệm hiện trường được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Sau khi lập biên bản có đọc lại và tất cả những người chứng kiến, người tham gia khám nghiệm đều ký ngay vào biên bản, không có việc ký không vào biên bản như lời trình bày của anh Huỳnh Long T.

Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ trong vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được thu thập, kết luận giám định về thương tích, cơ chế hình thành vết thương và lời trình bày của Giám định viên tại phiên tòa. Vì vậy, việc người bị hại kháng cáo cho rằng ngoài bị cáo T1 thì còn có chị Hoàng Thị Kim L là người gây thương tích cho bị hại; bị cáo dùng dao, còn chị L dùng kéo đâm bị hại và đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra vai trò đồng phạm của chị L, giám định lại cơ chế hình thành vết thương là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.3] Bị hại anh Huỳnh Tấn T2 cho rằng bị bị cáo gây thương tích với 07 vết thương, trong đó có 01 vết thương ở đùi nhưng khi giám định chỉ có 06 vết thương, không giám định vết thương tại đùi nên yêu cầu giám định bổ sung vết thương này đối với bị hại.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Ngay sau khi bị gây thương tích, anh T2 được đưa đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước và Bệnh viện Chợ Rẫy. Tại Giấy chứng nhận thương tích số 381/CN ngày 20/11/2019 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước và Giấy chứng nhận thương tích số 909/CN-BVCR ngày 10/7/2019 của Bệnh viện Chợ Rẫy ghi nhận tình trạng lúc vào viện của bị hại chỉ thể hiện 06 vết thương tại vùng ngực, lưng, bụng và tay, không có vết thương ở đùi. Việc giám định thương tích của bị hại căn cứ trên cơ sở giấy chứng nhận thương tích của bệnh viện ghi nhận tình trạng khi nhập viện của bị hại nên kết quả giám định đối với bị hại anh T2 là hoàn toàn khách quan. Ngoài ra, sau khi được thông báo về kết quả giám định lại của Viện pháp y quốc gia Phân viện tại Thành phố Hồ Chí Minh, anh T2 cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì, anh T2 cho rằng đã đề nghị giám định bổ sung vết thương ở đùi nhưng chỉ nói miệng, không có văn bản yêu cầu nên không có căn cứ để chứng minh. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho lời trình bày của mình. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu giám định bổ sung vết thương ở đùi của bị hại là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên yêu cầu kháng cáo của bị hại về phần này không được chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đinh Văn T1 thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản án sơ thẩm đã nhận định, do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Đinh Văn T1 phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đinh Văn T1 và kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt của bị hại anh Huỳnh Tấn T2 đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến nguyên nhân, mức độ lỗi của các bên trong vụ án, xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo như tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, có con còn nhỏ, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra” quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là có cơ sở vì giữa đêm khuya, gia đình bị cáo đang ngủ thì bị hại ném vữa xi măng vào vách tôn nhà bị cáo, chửi bới bị cáo và đâm vào mặt bị cáo, hai bên giằng co nhau làm cho bị cáo bị té (ngã). Hành vi này của bị hại là trái pháp luật, gây bức xúc cho bị cáo, làm cho bị cáo bị kích động về tinh thần nên khi bị cáo nhặt được hung khí thì bị cáo đã đâm bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết này đối với bị cáo là có thiếu sót nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm tình tiết này cho bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết mới gia đình bị cáo có công với cách mạng (ông nội và bà nội của bị cáo được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến). Tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo T1 bị truy tố theo khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt từ 05 năm đến 10 năm tù nhưng do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù là phù hợp, vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo về việc áp dụng tình tiết “Người phạm tội tự thú” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ bởi sau khi bị cáo gây thương tích cho bị hại đã có bị hại, chị Hoàng Thị Kim L, chị Trần Thị N biết hành vi của bị cáo nên việc bị cáo ra Công an xã khai báo không phải là trường hợp tự thú mà chỉ là đầu thú và tình tiết này cũng đã được cấp sơ thẩm xem xét cho bị cáo.

Việc bị hại cho rằng bị cáo T1 thực hiện hành vi phạm tội có tính chất côn đồ là không có cơ sở bởi nguyên nhân xảy ra vụ việc cũng có lỗi của phía bị hại nên không có căn cứ để tăng nặng hình phạt đối với bị cáo. Vì vậy, kháng cáo của người bị hại về hình phạt không được chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần này.

[5] Xét kháng cáo của bị hại anh Huỳnh Tấn T2 về trách nhiệm dân sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị hại anh Huỳnh Tấn T2 yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổng số tiền là 442.000.000 đồng nhưng chỉ cung cấp được hóa đơn, chứng từ của một số khoản chi phí và bị cáo cũng không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các Điều 584, 585, 586 và 590 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Đinh Văn T1 phải bồi thường cho bị hại các khoản tiền gồm: Chi phí hợp lý cho việc đi lại, điều trị, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút có hóa đơn là 26.905.000 đồng; Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại; Chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị và một khoản tiền để bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị thiệt hại là có căn cứ.

Đối với khoản thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại: Bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường là 5 tháng 5 ngày với số tiền 274.750.000 đồng là không phù hợp. Bị hại làm nghề sửa xe và bán phụ tùng nên thu nhập không ổn định, bị hại cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh thu nhập bình quân của mình là 500.000 đồng/ngày nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định theo mức thu nhập lao động phổ thông tại địa phương là 250.000 đồng/ngày là phù hợp. Tuy nhiên, bị hại bị gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 37% nên cần phải có thời gian nhất định để nghỉ ngơi, điều trị, phục hồi sức khỏe. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét chấp nhận cho bị hại 14 ngày thu nhập thực tế bị mất là chưa phù hợp, chưa thỏa đáng. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, cần xem xét chấp nhận cho bị hại bị mất thu nhập trong thời gian 01 tháng 14 ngày là phù hợp. Vì vậy, cần tuyên buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại khoản tiền do bị mất thu nhập thực tế là 1 tháng 14 ngày x 250.000 đồng/ngày = 11.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu bồi thường tiền công người của 02 người chăm sóc bị hại trong thời gian 2 tháng là 36.000.000 đồng. Xét thấy, việc chăm sóc bị hại chỉ cần 01 người chăm sóc nên việc bị hại yêu cầu tiền công đối với 02 người chăm sóc là không phù hợp. Do đó, cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận yêu cầu tiền công chăm sóc đối với 1 người trong khoảng thời gian bị hại điều trị tại bệnh viện theo mức thu nhập lao động phổ thông là 250.000 đồng/ngày x 14 ngày = 3.500.000 đồng là phù hợp.

Đối với yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần của bị hại: Bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường 50 tháng lương cơ sở là cao so với thương tích bị cáo đã gây ra cho bị hại và bị hại cũng có một phần lỗi trong vụ án. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận khoản tiền bồi thường tổn thất về tinh thần là 20 tháng lương cơ sở là chưa thỏa đáng nên cần chấp nhận cho bị hại 25 tháng lương cơ sở là phù hợp, buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại khoản tiền bù đắp về tinh thần là 1.490.000 đồng/tháng x 25 tháng = 37.250.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo T1 phải bồi thường cho bị hại Huỳnh Tấn T2 là 78.655.000 đồng.

Do gia đình bị cáo đã bồi thường số tiền 50.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B nên bị cáo T1 còn phải tiếp tục bồi thường thêm số tiền là 28.655.000 đồng.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại nhưng không ghi rõ trong bản án về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án để đảm bảo quyền lợi của người được thi hành án là có thiếu sót nên cần rút kinh nghiệm về vấn đề này.

[6] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa có căn cứ một phần nên được chấp nhận một phần.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại tại phiên tòa có căn cứ một phần nên được chấp nhận một phần.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Do kháng cáo của bị hại về phần trách nhiệm dân sự được chấp nhận nên cần sửa lại án phí dân sự sơ thẩm như sau: Bị cáo Đinh Văn T1 phải chịu 28.655.000 đồng x 5% = 1.432.750 đồng (Một triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Đinh Văn T1 phải chịu theo quy định pháp luật. Bị hại anh Huỳnh Tấn T2 không phải chịu.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại anh Huỳnh Tấn T2 về việc hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại và yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Đinh Văn T1; Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đinh Văn T1;

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2021/HS-ST ngày 04/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước về phần hình phạt đối với bị cáo Đinh Văn T1.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại anh Huỳnh Tấn T2 về trách nhiệm dân sự; Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2021/HS-ST ngày 04/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước về phần trách nhiệm dân sự và án phí dân sự sơ thẩm.

3. Tuyên bố bị cáo Đinh Văn T1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Các Điều 38, 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Đinh Văn T1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/8/2019.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Đinh Văn T1 có nghĩa vụ bồi thường cho anh Huỳnh Tấn T2 số tiền là 78.655.000 đồng. Xác nhận gia đình bị cáo đã bồi thường được cho anh T2 số tiền 50.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho anh Huỳnh Tấn T2 số tiền 28.655.000 đồng (Hai mươi tám triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có

đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Đinh Văn T1 phải chịu 1.432.750 đồng (Một triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

Án phí hình sự phúc thẩm:

- Bị hại anh Huỳnh Tấn T2 không phải chịu.

- Bị cáo Đinh Văn T1 phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- PV 06 - CA tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- CQĐT - Công an huyện B;
- Cơ quan THAHS - Công an huyện B;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người bào chữa; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp;
- Trại Tạm giam CA tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Tổ HCTP; Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Viết Phong